TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Triệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Ông Huỳnh Trí Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Trúc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Thư ký TAND huyện Đ.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1987, trú tại thôn L-T, xã Đ-N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Bị đơn: Ông Lộ Thanh P, sinh năm 1983, trú tại thôn L-T, xã Đ-N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/01/2022 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Kiều Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2007, bà Kiều Thị T và ông Lộ Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đ- ợc hai bên gia đình tổ chức lễ c- ới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ-N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Đ-N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P quá ghen tuông và luôn coi thường bản thân bà T thường xuyên về nhà gây sự, chửi bới và nhiều lần đánh đập bà. Vì vậy bà thấy hạnh phúc vợ chồng không còn nên xin Toà giải quyết cho bà đ- ợc ly hôn với ông P để mỗi ng- ời đ- ợc tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

- Về quan hệ con chung: Bà T khai vợ chồng có ba con chung tên Lộ Kiều Ngọc Tr, sinh ngày 19/4/2008, Lộ Kiều O, sinh ngày 02/9/2014, Lộ Kiều Ngọc N, sinh ngày 30/10/2019. Hiện nay các cháu Tr, O, N đang ở với bà T.

- Về nguyện vọng nuôi con: bà T có nguyện vọng được nuôi ba con chung.

- Về yêu cầu cấp dưỡng: bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi ba con chung, mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa can thiệp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2022 ông Lộ Thanh P trình bày: Về quan hệ hôn nhân như lời trình bày của bà T. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng ông P cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm, có lúc ông không kiềm chế được nên có đánh bà T, nay bà T xin ly hôn ông xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nhưng ông chưa muốn ý ly hôn.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:*

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:*

Hội đồng xét xử: thành phần HĐXX phiên tòa sơ thẩm được tiến hành đúng thời gian địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phien tòa. HĐXX, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án:

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn: Bà Kiều Thị T thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 186, 189, 190 BLTTDS 2015.

Người tham gia tố tụng là bị đơn: Ông Lộ Thanh P sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án đã không thực hiện đầy đủ quyền của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS 2015.

2. Về quan điểm giải quyết vụ án:

Từ những chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Kiều Thị T: cho bà T được ly hôn với ông P.

- Về quan hệ con chung:

Hiện nay các cháu Lộ Kiều Ngọc Tr, sinh ngày 19/4/2008, Lộ Kiều O, sinh ngày 02/9/2014, Lộ Kiều Ngọc N, sinh ngày 30/10/2019 đang ở với bà T, có nơi ăn ở học hành ổn định. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của bà T, giao các cháu Tr, O, N cho bà T nuôi dưỡng giáo dục, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông P chịu trách Nệm cấp dưỡng nuôi các cháu Tr, O, N, mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà T tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa can thiệp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng có lúc ông P trốn tránh không đến Tòa án. Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 và đã tống đạt cho ông P, phiên tòa ngày 12 tháng 9 năm 2022 bị đơn ông P vắng mặt. Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐ H – TA ngày 12 tháng 9 năm 2022, đã tiến hành niêm yết. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông P tiếp tục vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa bà Kiều Thị T và ông Lộ Thanh P thì thấy ông bà xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đ- ợc hai bên gia đình tổ chức lễ c- ới và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã Đ-N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp đ- ợc pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông bà khi giải quyết vụ kiện. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T thì thấy sau khi kết hôn ông bà chung sống được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như bà T đã trình bày trên. Tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm bà T kiên quyết xin đ- ợc ly hôn với ông P. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn với ông P.

- Về quan hệ con chung:

Hiện nay các cháu Tr, O, N đang ở với bà T, có nơi ở, ăn học, sinh hoạt ổn định. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83. 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận nguyện vọng của bà T, giao các cháu Tr, O, N cho bà T nuôi dưỡng giáo dục, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông P chịu trách Nệm cấp dưỡng nuôi các cháu Tr, O, N, mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà T tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa can thiệp.

Vì các lẽ trên,

Áp dụng các Điều 147, 203, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị T, tuyên xử cho bà T được ly hôn với ông Lộ Thanh P

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Kiều Thị T, giao các cháu Lộ Kiều Ngọc Tr, sinh ngày 19/4/2008, Lộ Kiều O, sinh ngày 02/9/2014, Lộ Kiều Ngọc N, sinh ngày 30/10/2019 cho bà Kiều Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà T buộc ông P chịu trách Nệm cấp dưỡng nuôi các cháu Lộ Kiều Ngọc Tr, Lộ Kiều O, Lộ Kiều Ngọc N, mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu Tr, O, N đủ 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Tr, O, N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không đóng góp cấp d- ỡng số tiền trên thì hằng tháng ông P còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh được xác định là 10 % trên một năm đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông P có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản, khi có lý do chính đáng đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu số 3795 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Buộc ông Lộ Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bị đơn ông Lộ Thanh P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;

- VKSND huyện Đ;

- THADS huyện Đ;

- Các đ- ơng sự ;

- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Triệu

Hội đồng xét xử

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**